

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BSI VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BSI VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BSI VIETNAM INVEST JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BSI VIETNAM.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109758296

**3. Ngày thành lập:** 01/10/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Căn hộ văn phòng số 206, tầng 2, tòa nhà W2 khu Vinhomes Westpoint, lô HH, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0837818383

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Loại trừ hoạt động tư vấn pháp luật, chứng khoán, kiểm toán)                                                                                                                                                                                        | 7020(Chính) |
| 2.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                        | 5510        |
| 3.  | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                                                                                                                                                                               | 5590        |
| 4.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                 | 5610        |
| 5.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                         | 5621        |
| 6.  | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                             | 5629        |
| 7.  | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                          | 5630        |
| 8.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ môi giới bất động sản<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản<br>- Dịch vụ quản lý bất động sản<br>- Dịch vụ sàn giao dịch Bất động sản<br>(Trừ hoạt động tư vấn pháp luật về bất động sản) | 6820        |
| 9.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh bất động sản                                                                                                                                                  | 6810        |
| 10. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                | 4101        |
| 11. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                          | 4102        |

|     |                                                                                                |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                  | 4211 |
| 13. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                   | 4212 |
| 14. | Xây dựng công trình điện                                                                       | 4221 |
| 15. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                            | 4222 |
| 16. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                             | 4223 |
| 17. | Xây dựng công trình công ích khác                                                              | 4229 |
| 18. | Xây dựng công trình thủy                                                                       | 4291 |
| 19. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                | 4292 |
| 20. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                          | 4293 |
| 21. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                     | 4299 |
| 22. | Phá dỡ<br>(Loại trừ nổ mìn)                                                                    | 4311 |
| 23. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Không bao gồm nổ mìn, dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng) | 4312 |
| 24. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                          | 4321 |
| 25. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                          | 4322 |
| 26. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                 | 4329 |
| 27. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                 | 4330 |
| 28. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                            | 4390 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 29. | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch vụ tư vấn kiến trúc</li> <li>- Giám sát thi công xây dựng cơ bản</li> <li>- Hoạt động đo đạc và bản đồ</li> <li>- Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước</li> <li>- Giám sát, tư vấn giám sát thi công xây dựng</li> <li>- Dịch vụ tư vấn đầu thầu</li> <li>- Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp</li> <li>+ Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình giao thông</li> <li>+ Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn</li> <li>+ Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật</li> </ul> </li> <li>- Lập thiết kế quy hoạch xây dựng</li> <li>- Khảo sát xây dựng gồm: Khảo sát địa hình và khảo sát địa chất công trình</li> <li>- Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy</li> <li>- Dịch vụ lập quy hoạch xây dựng</li> <li>- Dịch vụ tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng</li> <li>- Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng</li> <li>- Kiểm định xây dựng</li> <li>- Tư vấn thiết kế công trình điện và tư vấn giám sát thi công công trình điện.</li> </ul> | 7110 |
| 30. | <p>Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại lý bán hàng hóa</li> <li>- Môi giới mua bán hàng hóa</li> </ul> <p>(Loại trừ hoạt động đấu giá)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4610 |
| 31. | Hoạt động của trụ sở văn phòng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7010 |
| 32. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7120 |
| 33. | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các loại mặt hàng công ty kinh doanh</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 40.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 4.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                                            | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                                                                                   | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | CÔNG TY CỔ<br>PHẦN ĐẦU<br>TƯ THT<br>CAPITAL            | Căn hộ văn phòng<br>số 206, tầng 2, tòa<br>nhà W2 khu<br>Vinhomes<br>Westpoint, Lô<br>HH đường Phạm<br>Hùng, Phường<br>Mễ Trì, Quận<br>Nam Từ Liêm,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 1.000.0<br>00 | 10.000.000.000           | 25,000       | 0107846028                                                                                                             |            |
|     |                                                        |                                                                                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                        |                                                                                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                        |                                                                                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                        |                                                                                                                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                        |                                                                                                                                                                                      | Tổng số                            | 1.000.0<br>00 | 10.000.000.000           | 25,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                                                        |                                                                                                                                                                                      |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | CÔNG TY CỔ<br>PHẦN CAO<br>GROUP IN<br>NORTH<br>AMERICA | Số 118 Phố Mai<br>Hắc Đế, Phường<br>Lê Đại Hành,<br>Quận Hai Bà<br>Trung, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam                                                                              | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 1.000.0<br>00 | 10.000.000.000           | 25,000       | 0109465363                                                                                                             |            |
|     |                                                        |                                                                                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                        |                                                                                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                        |                                                                                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                        |                                                                                                                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                        |                                                                                                                                                                                      | Tổng số                            | 1.000.0<br>00 | 10.000.000.000           | 25,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                                                        |                                                                                                                                                                                      |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                                               |                                                                                       |                           |           |                |        |            |
|---|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------|----------------|--------|------------|
| 3 | CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI HỒNG THẮNG | Số 231 đường Bà Triệu, Phường Hàm Rồng, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 1.000.000 | 10.000.000.000 | 25,000 | 2800824659 |
|   |                                               |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |            |
|   |                                               |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |            |
|   |                                               |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |            |
|   |                                               |                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |            |
|   |                                               |                                                                                       | Tổng số                   | 1.000.000 | 10.000.000.000 | 25,000 |            |
|   |                                               |                                                                                       |                           |           |                |        |            |
| 4 | CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THANH HOA   | Số 27 & 29 Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam      | Cổ phần phổ thông         | 1.000.000 | 10.000.000.000 | 25,000 | 2800866680 |
|   |                                               |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |            |
|   |                                               |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |            |
|   |                                               |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |            |
|   |                                               |                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |            |
|   |                                               |                                                                                       | Tổng số                   | 1.000.000 | 10.000.000.000 | 25,000 |            |
|   |                                               |                                                                                       |                           |           |                |        |            |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THẾ TÀI

Giới tính: Nam

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 26/06/1975

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001075007356

Ngày cấp: 09/11/2015

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Địa chỉ thường trú: *Số 28, ngõ 69A đường Hoàng Văn Thái, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 28, ngõ 69A đường Hoàng Văn Thái, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội